

Bản án số: 65/2021/HS-PT
Ngày 27/01/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Nam;

Các Thẩm phán: Ông Thái Duy Nhiệm;

Bà Vũ Thị Thu Hà.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Phan Nhật Phong, Thư ký
Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Ngọc Vỹ - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 27 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 1000/2021/TLPT-HS ngày 03/11/2021 đối với bị cáo Phan Chu Ch do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 101/2021/HS-ST ngày 24/9/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

- Bị cáo có kháng cáo:

Phan Chu Ch, sinh năm 1991; nơi ĐKKHKT và cư trú: Thôn Th, xã X, huyện S, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; con ông Phan Văn Ch, sinh năm 1971 và bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1972; vợ là Nguyễn Thị H, sinh năm 1993 và 02 con, lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2013; Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 176/2010/HSST ngày 15/9/2010 của TAND huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội xử phạt 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”, thời gian thử thách 16 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đã nộp xong án phí vào tháng 11/2010; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/02/2021 đến ngày 11/3/2021 được thay thế bằng biện pháp “Bảo lĩnh”.

Ngoài ra trong vụ án còn có 05 bị cáo khác, nguyên đơn dân sự cùng những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo, không bị kháng nghị, không liên quan đến nội dung kháng cáo nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 08/02/2021, Công ty TNHH HTS Việt Nam (viết tắt là Công ty H); địa chỉ Lô 02, khu công nghiệp Q mở rộng, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh có đơn trình báo gửi Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bắc Ninh về việc: Ngày 05/02/2021, Công ty kiểm kê hàng tại kho nguyên vật liệu thì phát hiện bị mất 1009 thiết bị chuyển đổi nguồn điện cho đầu ghi hình Camera IP mã EP06-002948A. Giá của 01 thiết bị chuyển đổi nguồn điện cho đầu ghi hình Camera IP là 190.463 đồng, tổng trị giá tài sản bị mất là 192.177.167 đồng.

Quá trình điều tra đã xác định như sau:

Trần Đức Th1 và Lương Đức Th2 cùng làm công nhân, làm việc tại kho nguyên vật liệu của Công ty H. Nguyễn Đình L làm lái xe thuê cho anh Nguyễn Như H; Trần Ngọc D là lái xe cho Công ty H. Hàng ngày D thường lái xe tải ra, vào Công ty H để giao nhận hàng giữa Công ty J và Công ty H. Qua công việc và quan hệ xã hội, Th1 quen biết với Nguyễn Đình L và Trần Ngọc D.

Trong quá trình làm việc tại Công ty H, thấy Công ty H có sơ hở trong việc quản lý tài sản nên Th1 đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản là các thành phẩm thiết bị chuyển đổi nguồn điện cho đầu ghi hình Camera IP tại kho nguyên vật liệu của Công ty H. Khoảng cuối tháng 01/2021, Th1 liên lạc, trao đổi với D là Th1 có củ sạc pin máy tính (thiết bị chuyển đổi nguồn điện cho đầu ghi hình Camera IP) của Công ty lấy ra để bán và chia nhau tiền, D hiểu Th1 sẽ trộm cắp thiết bị chuyển đổi nguồn điện của Công ty và bảo D chờ ra ngoài để bán rồi chia nhau tiền. Đồng thời Th1 liên lạc qua điện thoại với L là Th1 sẽ trộm cắp được khoảng 500-1.000 củ sạc máy tính (thiết bị chuyển đổi nguồn điện cho đầu ghi hình Camera IP), Th1 hỏi L nơi tiêu thụ, giá của 01 thiết bị chuyển đổi nguồn điện và hứa sẽ chia cho L 5.000.000 đồng sau khi bán được tài sản trộm cắp. Sau đó L gọi điện thoại cho Nguyễn Viết D1 (là anh rể họ của L) đang làm công nhân tại khu công nghiệp V thuộc huyện V, tỉnh Bắc Giang, nói với D1 là L có khoảng 500-1.000 củ sạc pin máy tính (thiết bị chuyển đổi nguồn điện) trộm cắp được muốn bán và bảo D1 tìm nơi tiêu thụ. D1 nói với L để đi hỏi, có gì báo lại sau. D1 biết Phan Chu Ch có cửa hàng thu mua phế liệu tại thị trấn N, huyện V, tỉnh Bắc Giang nên đến gặp và hỏi Ch có mua củ sạc pin máy tính (thiết bị chuyển đổi nguồn điện đầu ghi hình Camera IP) là hàng của Công ty không? Ch hiểu là tài sản trộm cắp từ Công ty ra, trả lời có mua và bảo D1 cứ mang đến. Trao đổi với Ch xong, D1 liên lạc với L, bảo gặp Ch để trao đổi việc mua, bán. Sau đó, L đến gặp Ch, trao đổi với Ch là L có khoảng 1.000 củ sạc pin máy tính (thiết bị chuyển đổi nguồn điện đầu ghi hình Camera) là hàng công ty trộm cắp được muốn bán. Ch biết đó là tài sản được trộm cắp từ công ty ra nhưng vẫn đồng ý mua và thỏa thuận với L giá một củ sạc pin máy tính (01 thiết bị chuyển đổi nguồn điện) loại 12V là 17.000 đồng. Sau khi thỏa thuận xong với

Ch về giá bán, L liên lạc qua điện thoại với Th1, nói đã tìm được nơi tiêu thụ và giá mua. Sau đó Th1 trao đổi với Lương Đức Th2 để cùng Th2 thực hiện việc trộm cắp thiết bị chuyển đổi nguồn điện đầu ghi hình Camera IP tại kho nguyên vật liệu của Công ty H đem bán lấy tiền chia nhau.

Khoảng 08 giờ ngày 02/02/2021, Th1 gặp D ở Công ty H và hỏi D chuyển hàng chiều mấy giờ về, D nói khoảng 16 giờ 30 phút, Th1 gật đầu, D hiểu ý là Th1 sẽ trộm cắp tài sản của Công ty H để D chở ra ngoài bán như thỏa thuận trước đó. Khoảng 10 giờ ngày 02/02/2021, khi Th1 và Th2 làm việc tại kho nguyên vật liệu của Công ty H, lúc này chỉ có Th1 và Th2, lợi dụng lúc trong kho không có người, Th1 và Th2 đã tháo dỡ các thùng cát tông chứa thành phẩm thiết bị chuyển đổi nguồn điện cho đầu ghi hình Camera IP có mã Code: EP06-002948A, loại 54V đã được đóng gói, dán băng dính kín để trong kho nguyên liệu của Công ty H, trộm cắp được 672 thành phẩm thiết bị chuyển đổi nguồn điện, xếp vào 03 thùng cát tông mà Th1 đã chuẩn bị từ trước, mỗi thùng đựng 224 chiếc, dùng băng dính dán kín lại, xếp vào vị trí ban đầu để tránh bị phát hiện, còn 03 thùng cát tông chứa 672 thiết bị chuyển đổi nguồn điện đã trộm cắp Th1 và Th2 để ở góc kho chờ cơ hội đem ra ngoài bán. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, bằng thủ đoạn tương tự, Th1 và Th2 tiếp tục trộm cắp 328 thiết bị chuyển đổi nguồn điện có đặc điểm như trên, xếp vào 02 thùng cát tông, 01 thùng đựng 224 chiếc, 01 thùng đựng 104 chiếc, để ở vị trí 03 thùng cát tông đựng thiết bị chuyển đổi nguồn điện mà Th1 và Th2 đã trộm cắp buổi sáng. Đến khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày, Th1 gọi điện thoại cho D, bảo D lái xe vào khu vực cửa kho nguyên liệu Công ty H. D điều khiển xe ô tô tải biển kiểm soát 99C-169.14 đến thì Th1 dùng xe nâng của Công ty H chuyển 05 thùng cát tông đựng 1.000 thiết bị chuyển đổi nguồn điện mà Th1 và Th2 trộm cắp được lên thùng xe ô tô của D rồi bảo D chở số thiết bị chuyển đổi nguồn điện trộm cắp này ra ngoài, đợi Th1 ở gầm cầu vượt đi bộ thuộc địa phận thôn Gi, xã Ph, huyện Q, tỉnh Bắc Ninh. Sau đó, Th1 gọi điện thoại cho L, bảo L đến địa điểm đã hẹn với D để chở tài sản đã trộm cắp đi bán rồi Th1 đi bộ từ Công ty H ra chỗ hẹn với D và L. Khoảng 17 giờ cùng ngày, L điều khiển xe ô tô tải biển kiểm soát 99C-124.64 đến nơi hẹn thì gặp Th1 và D. Cả ba người cùng chuyển 05 thùng cát tông đựng 1.000 thiết bị chuyển đổi nguồn điện đã trộm cắp được sang thùng xe tải của L. Chuyển xong thì D lái xe đi về Công ty H, bàn giao lại xe cho Công ty H, còn L điều khiển xe ô tô cùng Th1 đi đến cửa hàng của Phan Chu Ch. Tại đây, Th1 và L bán cho Ch 05 thùng cát tông chứa 1.000 thiết bị chuyển đổi nguồn điện cho đầu ghi hình Camera IP có mã Code: EP06-002948A, loại 54V đã trộm cắp. Ch chuyển khoản 17.000.000 đồng vào số tài khoản 7000016978136 của Th1 để trả tiền mua 1.000 thiết bị chuyển đổi nguồn điện trên. Sau khi nhận được tiền, Th1 và L quay về thành phố B. Khi L và Th1 về, Ch kiểm tra lại số thiết bị chuyển đổi nguồn điện đã mua thì thấy số thiết bị chuyển đổi nguồn điện trên là loại 54V, không phải loại 12V như đã thỏa thuận từ trước nên Ch gọi điện thoại cho L, yêu cầu L đổi lại cho đúng

chủng loại 12V theo thỏa thuận ban đầu hoặc trả lại Ch tiền. L trao đổi với Th1 về yêu cầu của Ch thì Th1 nói khi nào có, tức trộm cắp được sẽ đổi sau.

Số tiền 17.000.000 đồng bán 1.000 thiết bị chuyển đổi nguồn điện trộm cắp được, Th1 chuyển khoản chia cho D 2.000.000 đồng, chuyển khoản chia cho L 2.100.000 đồng còn 2.900.000 đồng sẽ chuyển sau khi đổi được loại thiết bị chuyển đổi nguồn điện khác cho Ch, Th1 hứa chia cho Th2 3.000.000 đồng nhưng do Th2 còn vay nợ Th1 2.200.000 đồng nên Th1 và Th2 thống nhất trừ nợ, còn 800.000 đồng Th1 chưa chuyển tiền cho Th2. Do không đúng chủng loại theo thỏa thuận nên L đã chuyển khoản lại cho Ch số tiền 8.500.000 đồng và hứa sẽ đổi lại thiết bị chuyển đổi nguồn điện loại 12V.

Sau khi bán 1.000 thiết bị chuyển đổi nguồn điện trộm cắp được cho Ch, L liên lạc, nói cho D1 biết việc đã bán được tài sản trộm cắp cho Ch nhưng không đúng chủng loại theo thỏa thuận và Ch yêu cầu đổi lại cho đúng loại 12V. Sáng ngày 08/02/2021, Th1 liên lạc với L, bảo L đến nhận lại 1.000 thiết bị chuyển đổi nguồn điện đã bán cho Ch trước đó, đem về khu vực cầu Gi, Ph, Q, Bắc Ninh. Lúc này L đã về nhà mình tại Th1 Hoá nên L liên lạc với D1, nhờ D1 đến chỗ Ch lấy chuyển đổi nguồn điện trên mang về Gi, Ph, Q, Bắc Ninh để chờ đổi lấy loại 12V theo yêu cầu của Ch. Do giáp Tết Nguyên đán nên Ch đã về quê ăn Tết và chuyển 1.000 thiết bị đổi nguồn điện này về kho của mình tại thị trấn Đ, thành phố Hà Nội để bảo quản, Ch bảo L thuê xe đến nhận lại và hẹn L khi nào đến Ph, S, Hà Nội thì liên lạc với Ch. Sáng ngày 09/02/2021, D1 thuê xe ô tô tải BKS 89C-076.84 của anh Ngô Thế Đ đến gặp Ch nhận lại từ Ch 1.000 thiết bị chuyển đổi nguồn điện. Khi D1 về đến khu vực cầu vượt dành cho người đi bộ thuộc thôn Gi, xã Ph, huyện Q, tỉnh Bắc Ninh thì bị lực lượng Công an kiểm tra, phát hiện thu giữ toàn bộ số thiết bị chuyển đổi nguồn điện trên.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 187/KL-HĐ ngày 02/3/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự tỉnh Bắc Ninh, Kết luận:

“Hiện nay, trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh không có cơ sở nào bán thiết bị chuyển đổi nguồn điện cho đầu ghi hình Camera IP, nên Hội đồng thống nhất lấy giá theo Bảng báo giá thiết bị của Công ty TNHH HTS Việt Nam ngày 08/02/2021 trong hồ sơ vụ án: Giá của 01 thiết bị chuyển đổi nguồn điện cho đầu ghi hình Camera IP là 190.463 đồng”.

Như vậy 1.000 thiết bị chuyển đổi nguồn điện cho đầu ghi hình Camera IP có trị giá: 190.463.000 đồng.

Ngày 08, 09 và 10/02/2021, Trần Đức Th1, Lương Đức Th2, Nguyễn Đình L, Trần Ngọc D, Phan Chu Ch, Nguyễn Viết D1 đầu thú tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bắc Ninh.

Quá trình điều tra, Công ty H xác định sau khi kiểm tra lại thì chính xác Công ty bị trộm cắp 1.000 thiết bị chuyển đổi nguồn điện cho đầu ghi hình Camera IP, Cơ quan điều tra đã trả lại Công ty H số tài sản mà Th1 và các đối

tượng cùng tham gia đã trộm cắp, Công ty H không có yêu cầu gì về trách nhiệm D1 sự.

Vật chứng của vụ án: Trần Đức Th1 giao nộp cho Cơ quan điều tra 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO màu đen; Lương Đức Th2 giao nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu hồng; Nguyễn Viết D1 giao nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu đen. Đối với Nguyễn Đình L, Trần Ngọc D và Phan Chu Ch khai: điện thoại dùng liên lạc trong quá trình thực hiện tội phạm đã bị mất nên Cơ quan điều tra không thu hồi được.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 101/2021/HS-ST ngày 24/9/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh đã quyết định:

Tuyên bố Phan Chu Ch phạm tội “Trộm cắp tài sản”

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Phan Chu Ch 24 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/02/2021 đến ngày 11/3/2021.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về tội danh và hình phạt đối với các bị cáo khác, xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 29/9/2021, bị cáo Phan Chu Ch kháng cáo xin được giảm hình phạt và xin hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Phan Chu Ch trình bày: Bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo. Đồng thời bị cáo xuất trình hai tài liệu mới tại phiên tòa gồm: Đơn xin xác nhận gia đình hoàn cảnh (có xác nhận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã X, huyện S, thành phố Hà Nội) và Đơn xin hưởng án treo (có xác nhận của Công an xã X, huyện S, thành phố Hà Nội). Hai văn bản này có nội dung: bị cáo là trụ cột, lao động chính trong gia đình có hoàn cảnh khó khăn, có cụ già và hai con nhỏ; quá trình sinh sống tại địa phương bị cáo chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội sau khi tóm tắt nội dung vụ án và phân tích các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ có quan điểm: Tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử và quyết định mức hình phạt 24 tháng tù đối với bị cáo là phù hợp. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo xuất trình thêm những tình tiết giảm nhẹ mới được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên mức hình phạt nhưng cho hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng tại cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Bị cáo Phan Chu Ch thừa nhận thực hiện hành vi phạm tội, phù hợp lời khai của Trần Đức Th1, Nguyễn Đình L, Trần Ngọc D, Lương Đức Th2 và Nguyễn Viết D1 tại Cơ quan điều tra, phiên tòa sơ thẩm, đơn trình báo của bị hại, kết quả định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự, lời khai của nhân chứng, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và phù hợp các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Đủ cơ sở để kết luận:

Khoảng cuối tháng 01/2021, Trần Đức Th1 trao đổi với Nguyễn Đình L, Trần Ngọc D, Lương Đức Th2 về việc trộm cắp thiết bị chuyển đổi nguồn điện của Công ty H đem bán lấy tiền chia nhau. Th1 bảo L tìm nơi tiêu thụ, thỏa thuận giá bán. L liên hệ với Nguyễn Viết D1 nhờ D1 tìm nơi tiêu thụ. D1 tìm và gặp trao đổi với Phan Chu Ch thì Ch đồng ý mua. Sau đó D1 bảo L gặp Ch để thỏa thuận việc mua bán tài sản trộm cắp là thiết bị chuyển đổi nguồn điện cho đầu ghi hình. Mặc dù biết rõ số tài sản này là do trộm cắp nhưng Ch vẫn thỏa thuận mua. Ngày 02/02/2021, tại kho nguyên vật liệu của Công ty H, Trần Đức Th1, Lương Đức Th2 đã cùng nhau trộm cắp 1.000 thiết bị chuyển đổi nguồn điện có mã code EP06-002948A loại 54V, trị giá 190.463.000 đồng của Công ty H rồi đưa cho D vận chuyển ra khỏi Công ty H. Sau đó Th1 và L cùng nhau đem bán cho bị cáo Phan Chu Ch được số tiền là 17.000.000 đồng. Do đó, hành vi của bị cáo Phan Chu Ch đồng phạm với Trần Đức Th1, Nguyễn Đình L, Trần Ngọc D, Lương Đức Th2 và Nguyễn Viết D1, đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”. Vì vậy, Phan Chu Ch cùng Trần Đức Th1, Nguyễn Đình L, Trần Ngọc D, Lương Đức Th2 và Nguyễn Viết D1 đã bị Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh truy tố và Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, không oan.

[3] Đối với kháng cáo của bị cáo Phan Chu Ch, Hội đồng xét xử thấy:

Hành vi của bị cáo Phan Chu Ch là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm hại đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của Công ty TNHH HTS Việt Nam; làm ảnh hưởng đến an ninh, trật tự tại địa phương; gây ấn tượng xấu cho nhà đầu tư, công dân nước ngoài đối với người lao động và công dân Việt Nam; ảnh hưởng đến chủ trương của Đảng và Nhà nước trong việc thu hút đầu tư nước ngoài, phát triển kinh tế của tỉnh Bắc Ninh nói riêng và Việt Nam nói chung. Tuy nhiên, bị cáo Ch phạm tội với vai trò không đáng kể, đồng phạm giúp sức và nếu không có Ch thì các bị cáo khác vẫn có thể thực hiện việc trộm cắp tài sản. Thực tế thì ngay sau khi nhận được và kiểm tra số tài sản trộm cắp do L và Th1 mang

đến thì Ch thấy không đúng chủng loại nên đã gọi điện để trả lại ngay số tài sản trộm cắp vừa mới nhận (khi vụ án chưa bị phát hiện). Ngày 09/02/2021, bị cáo Ch đã trả lại số tài sản trộm cắp nêu trên. Như vậy vai trò của bị cáo Ch là không đáng kể trong vụ án.

Bản thân bị cáo Phan Chu Ch mặc dù năm 2010 đã từng bị Tòa án xét xử 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” nhưng đã nộp xong án phí từ 2010, thuộc trường hợp đương nhiên được xóa án tích từ tháng 9/2012 theo quy định tại Điều 70 Bộ luật Hình sự. Bị cáo lại phạm tội với vai trò không đáng kể trong vụ án. Theo quy định tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo thì Hội đồng xét xử có căn cứ để chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo.

Hơn nữa, tại phiên tòa hôm nay, bị cáo xuất trình Đơn có nội dung trình bày gia đình khó khăn, lại phải nuôi cụ già ốm yếu và hai con nhỏ (đơn có xác nhận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã X, huyện S, thành phố Hà Nội). Đồng thời Công an xã X, huyện S, thành phố Hà Nội xác nhận quá trình sinh sống tại địa phương bị cáo luôn chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Do đó, cần giữ nguyên mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm quyết định, nhưng cho bị cáo được hưởng án treo cải tạo tại địa phương dưới sự giám sát, giáo dục của gia đình và chính quyền địa phương, tạo điều kiện cho bị cáo chăm sóc gia đình và nuôi dạy con cái, cũng đủ tác dụng giáo dục đối với bị cáo và răn đe phòng ngừa tội phạm nói chung như quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tại phiên tòa.

[4] Về án phí: Do kháng cáo của bị cáo Phan Chu Ch được Hội đồng xét xử chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phan Chu Ch; sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 101/2021/HS-ST ngày 24/9/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

Tuyên bố Phan Chu Ch phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Phan Chu Ch 24 tháng tù,

nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 48 tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 27/01/2022).

Giao bị cáo Phan Chu Ch cho Ủy ban nhân dân xã X, huyện S, thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về án phí: Bị cáo Phan Chu Ch không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- Cục THADS tỉnh Bắc Ninh;
- UBND xã X, h. S, TP Hà Nội;
- Bị cáo (qua địa chỉ);
- Lưu HS; HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Hồng Nam